TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **133**/2018/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 21 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng L– sinh năm 1970;

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thành N– sinh năm 1966;

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng L và anh Lê Thành N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Chị Phạm Thị Hồng L và anh Lê Thành N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nh, sinh ngày 14/8/1996 đã thành niên và Lê Nhật Kh, sinh ngày 23/9/2002. Khi ly hôn, chị L và anh N thỏa thuận giao cháu Lê Nhật Kh cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được

cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa giải quyết

- Về án phí: Chị L và anh N thỏa thuận chị L chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai số 39339 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang nên chị L được hoàn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Ngoan